

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2024

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiếu và ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Kiều O, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (*có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Kiều O trình bày:

Chị Đào Kiều O và anh Vũ Văn H chung sống và đăng ký kết hôn từ ngày 27/9/2002, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, anh chị kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hòa giải được, anh H có hành vi bạo lực gia đình với chị. Anh chị mặc dù sống chung nhà nhưng cũng như đã ly thân, anh chị không thể nói chuyện với nhau được nữa. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đào Kiều O yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Chị O và anh H có 01 con chung là Vũ Văn D, sinh ngày 17/9/2003, hiện tại cháu đã trưởng thành có thể tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị Đào Kiều O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Văn H trình bày:

Anh Vũ Văn H và chị Đào Kiều O chung sống và đăng ký kết hôn ngày 27/9/2002, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị kết hôn tự nguyện. Trong quá trình chung sống anh chị rất ít xảy ra mâu thuẫn, do chị O

ham chơi không chăm lo gia đình, nên anh H có nóng giận đánh chị O 01 lần. Nên anh H không đồng ý ly hôn với chị O; về con chung: Chị O và anh H có 01 con chung là Vũ Văn D, sinh ngày 17/9/2003 hiện tại Vũ Văn D đã trưởng thành có thể tự lập được nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Kiều O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị O và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, chị O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H nên quan hệ pháp luật là tranh chấp về "ly hôn"; bị đơn anh H có nơi cư trú tại tổ 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Chị Đào Kiều O và anh Vũ Văn H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị O và anh H là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Kiều O:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị O và anh H chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2002, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình sống chung, chị O và anh H bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án anh H đã thừa nhận có hành vi bạo lực gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O đối với anh H.

2.2 *Về con chung*: Chị O và anh H có 01 con chung là Vũ Văn D, sinh ngày 17/9/2003, hiện tại đã trưởng thành có thể tự lập được nên không đề cập giải quyết.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Xét ý kiến, quan điểm của bị đơn anh Vũ Văn H về việc không đồng ý ly hôn với Đào Kiều O là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận là phù hợp.

[4]. Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận là phù hợp.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Kiều O.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Kiều O được ly hôn với anh Vũ Văn H.

2. Về án phí: Chị Đào Kiều O phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000730 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Chị O đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS TP G;
- UBND xã T, huyện L,
- tỉnh Bắc Giang (Nơi ĐKKH);
- Các Đ/s;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
T.P CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Thành